

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng  
quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1372/TTr-SGTVT ngày 14/5/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 16 danh mục thủ tục hành chính, trong đó cấp tỉnh 14 TTHC, cấp huyện 02 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

*(Có danh mục ban hành kèm theo)*

**Điều 2.** Bãi bỏ 07 danh mục thủ tục hành chính (số thứ tự thứ 24, 27, 28, 29, mục I; số thứ tự 60, 61, 62, mục II phần A) tại Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải.

*(Có danh mục ban hành kèm theo)*

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /s/

**Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tù(40b).

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Hoàng Quốc Khánh**





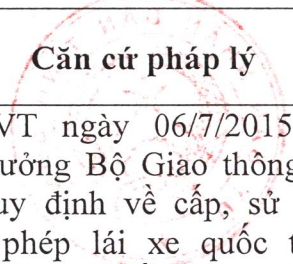
## PHỤ LỤC

**Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1004/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
A	<b>CẤP TỈNH (14 TTHC)</b>					
I	<b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (04 TTHC)</b>					
1	Cấp mới Giấy phép lái xe	10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.	Các cơ sở đào tạo lái xe	Nộp trực tiếp.	<ul style="list-style-type: none"><li>- Lệ phí: 135.000 đ/lần.</li><li>- Phí sát hạch lái xe:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.</li><li>+ Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong</li></ul></li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</li><li>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</li><li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-</li></ul>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần	 BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.  - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
2	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp.  Nộp qua hệ thống DVC trực tuyến	- Lệ phí Cấp GPLX 135.000đ/lần	- Thông tư số 12/2017/TT - BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX cơ giới đường bộ;  - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
3	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp.	- Lệ phí Cấp GPLX 135.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 12/2017/TT - BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX cơ giới đường bộ;</li> <li>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</li> <li>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
4	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp.	- Lệ phí Cấp GPLX 135.000đ/lần	<p>- Thông tư số 12/2017/TT - BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ</p>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<p>giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về Sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
II	<b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY (10 TTHC)</b>					
1	Đổi tên bến thủy nội địa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	Không	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;  - Điều 17, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
2	Gia hạn hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	Không	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;  - Khoản 6, Điều 20, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
3	Công bố đóng bến thủy nội địa	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	Không	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;  - Điều 24, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
4	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.  - Trường hợp thay đổi chủ bến thì chủ mới của bến phải đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	100.000 đồng/lần	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;  - Điều 20, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;  - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		ngày tiếp nhận bên thủy nội địa				dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
5	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trước khi có văn bản thỏa thuận, Sở GTVT lấy ý kiến của chi cục đường thủy nội địa khu vực</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở GTVT, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời;</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản</li> </ul>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp</li> <li>- Qua hệ thống bưu điện</li> </ul>	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;</li> <li>- Điều 15, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở GTVT có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư				
6	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bên khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;</li> <li>- Điều 16, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
7	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nộp trực tiếp</li> <li>- Qua hệ thống bưu điện</li> </ul>	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;</li> <li>- Điều 18, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</li> </ul>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
8	Công bố hoạt động bến bển khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;</li> <li>- Điều 19, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
9	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa (Trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	Không	- Điều 40, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
10	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông (Trên vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm phục vụ HCC	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	Không	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Điều 41, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
B	<b>CẤP HUYỆN (02 TTHC)</b>					
I	<b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY (02 TTHC)</b>					
1	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bên khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ HCC của UBND các huyện, thành phố	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	Không	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;  - Điều 16, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;



STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
2	Công bố hoạt động bến bển khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm phục vụ HCC của UBND các huyện, thành phố	- Nộp trực tiếp - Qua hệ thống bưu điện	100.000 đồng/lần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014;</li> <li>- Điều 16, Nghị định 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;</li> <li>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</li> </ul>

## PHỤ LỤC

Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ tại Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1004/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đường bộ</b>
1	Cấp mới Giấy phép lái xe
2	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp
3	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp
4	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực đường thủy</b>
1	Chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa
2	Cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa
3	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa